

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2020/ HNGĐ-ST  
Ngày 05-8-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Trần Duyên Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Long.
2. Ông Phạm Ngọc Đông.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh H, cư trú tại: Đội X, thôn G, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Lê Phi B, cư trú tại: Tổ Y, khu vực Z, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Lê Phi B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 16-4-2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay kình

cãi nhau, anh B hay xúc phạm và đánh chị. Mâu thuẫn trầm trọng nhất khoảng 02 năm nay, vợ chồng đã ly thân, mạnh ai nấy sống, tình cảm không còn. Cho nên, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Phi A (sinh ngày 12-02-2004) và Lê Hoài K (sinh ngày 26-7-2006), hiện tại đang sống cùng anh B, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn thì chị giao 02 con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại, sức khỏe của chị bình thường, không có mang thai; chị làm công nhân xưởng may, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 6 – 7 triệu đồng; anh B làm thợ xây, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7 – 9 triệu đồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung không có.

\* Tại bản khai đề ngày 09 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Phi B trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị H trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H hay đi chơi nhiều, không chăm lo cho gia đình, anh góp ý thì chị H không nghe. Vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau, chị H ăn nói không đúng mực, anh có đánh tát tai chị H 01 lần. Gia đình đã hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân được 02 tháng, tuy nhiên bản thân anh vẫn còn thương vợ, con cái mỗi ngày mỗi lớn; cho nên, anh không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa cho ly hôn thì nguyện vọng của anh muốn được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vợ chồng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

\* Ý kiến của cháu Lê Phi A và cháu Lê Hoài K: Nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của 02 cháu là muốn ở với cha vì cha gần gũi và yêu thương các cháu nhiều hơn.

\* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận cho ly hôn; giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Lê Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Phi B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Cho nên, theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Chị Lê Thị Thanh H và anh Lê Phi B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q vào ngày 16-4-2003, không vi phạm điều kiện kết hôn, nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian gần đây, giữa vợ chồng chị H, anh B có nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi, xô xát nhau vì bất đồng quan điểm sống và những lý do riêng tư khác trong sinh hoạt vợ chồng. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Tuy anh B không muốn ly hôn nhưng không có động thái nào để làm thay đổi tình cảnh đó. Tòa án đã nhiều lần động viên, hòa giải nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận cho chị H được ly hôn anh B.

[4] Vợ chồng chị H, anh B có 02 con chung là Lê Phi A (sinh ngày 12-02-2004) và Lê Hoài K (sinh ngày 26-7-2006). Từ khi vợ chồng ly thân, các con chung ở với anh B và nguyện vọng của các cháu vẫn mong muốn ở với cha khi cha mẹ ly hôn, phù hợp với ý kiến của chị H và anh B về việc nuôi con. Do đó, theo các Điều 58, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa giao cháu A và cháu K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị H phải chịu án phí về ly hôn 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh H và anh Lê Phi B.

**2. Về nuôi con chung:**

2.1. Giao cho anh Lê Phi B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phi A (sinh ngày 12-02-2004) và cháu Lê Hoài K (sinh ngày 26-7-2006) – cháu A và cháu K đang ở với cha.

2.2. Chị Lê Thị Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu K hàng tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng/cháu, kể từ tháng 8-2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

3.1. Chị Lê Thị Thanh H phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007946 ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3.2. Chị Lê Thị Thanh H còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

**4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:**

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời**

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- UBND P. N, Tp. Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trần Duyên Anh**